Mẫu số 3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TPHCM
BAN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC SINH, SINH VIÊN - KHÓA 2011
HỌC KỲ 2 NĂM 2011 - 2012

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
	LỚP KT11C1											
1	1100200001	Đỗ Thị Thúy	An	30	25	5	15				75	Khá
2	1100200003	Ngô Hồng Thắng	Ân	30	25	5	15				75	Khá
3	1100200005	Kim Ngọc Lan	Anh	30	20		15				65	Trung bình khá
4	1100200007	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	30	25	5	15				75	Khá
5	1100200010	Nguyễn Co	Băng	30	20	5	15				70	Khá
6	1100200022	Lê Thị Thúy	Diễm								0	Kém
7	1100200023	Ngô Thị Ngọc	Diệp	30	25	3	15				73	Khá
8	1100200038	Nguyễn Việt	Đức	30	25		15				70	Khá
9	1100200029	Lê Thị Mỹ	Dung	30	20		15				65	Trung bình khá
10	1100200030	Nguyễn Huỳnh Thùy	Dương	30	25		15				70	Khá
11	1100200032	Nguyễn Võ Quỳnh	Duy	30	25		15				70	Khá
12	1100200044	Nguyễn Trúc	Hà	30	25		15				70	Khá
13	1100200047	Nguyễn Thị Thu	Hai	30	25	5	15				75	Khá
14	1100200049	Đỗ Thị	Hằng	30	25		15				70	Khá
15	1100200050	Lại Thị	Hằng	30	25	3	15				73	Khá
16	1100200053	Trần Thị Cẩm	Hằng	30	25		15				70	Khá
17	1100200057	Ngô Ngọc	Hạnh	30	25		15				70	Khá
18	1100200071	Nguyễn Trọng	Hiền	30	25		15				70	Khá
19	1100200072	Trần Thị Minh	Hiền	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
20	1100200067	Phạm Thế	Hiển	30	25		15				70	Khá
21	1100200073	Nguyễn Thị	Hiệp	30	25		15				70	Khá
22	1100200074	Trần Hữu	Hiếu								0	Kém
23	1100200075	Phạm Thị Ngọc	Hoa	30	25		15				70	Khá
24	1100200077	Trần Thanh	Hoài	30	25	5	15				75	Khá
25	1100200081	Ngô Thị	Hồng	30	25	15	15				85	Tốt
26	1100200084	Trần cẩm	Hồng	30	25		15				70	Khá
27	1100200089	Phan Thị Bão	Hương	30	25	3	15				73	Khá
28	1100200088	Nguyễn Thu	Hương	30	25	3	15				73	Khá
29	1100200094	Hồ Thị Ngọc	Huyền	30	20		15				65	Trung bình khá
30	1100200099	Nguyễn Thụy Kim	Huỳnh	30	25		15				70	Khá
31	1100200110	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	30	25		15				70	Khá
32	1100200111	Lý Sương	Kim	30	25		15				70	Khá
33	1100200112	Quách Phong	Kỳ	30	25		15				70	Khá
34	1100200115	Trần Thị	Lam	30	20		15				65	Trung bình khá
35	1100200117	Nguyễn Thị	Lan	30	25	3	15				73	Khá
36	1100200116	Huỳnh Thị Thanh	Lan	30	10		15				55	Trung bình
37	1100200124	Nguyễn Thị Cẩm	Liên	30	25	5	15				75	Khá
38	1100200126	Lê Thị Kim	Lin	30	25		15				70	Khá
39	1100200129	Lại Mai	Linh	30	15		15				60	Trung bình khá
40	1100200131	Lê Trường	Linh	30	15		15				60	Trung bình khá
41	1100200140	Huỳnh Thị Kim	Loan	30	25	3	15				73	Khá
42	1100200142	Phùng Thanh	Loan	30	20	5	15				70	Khá
43	1100200150	Trần Thị	Mai	30	20		15				65	Trung bình khá
44	1100200152	Hoàng Thị Diễm	Mi	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
45	1100200166	Hồ Thị Ngọc	Ngà								0	Kém
46	1100200168	Đỗ Nguyễn Kim	Ngân	30	25	13	15				83	Tốt
47	1100200173	Đoàn Thị Cẩm	Ngọc	30	25		15				70	Khá
48	1100200179	Nguyễn Thị	Nguyên	30	25	5	15				75	Khá
49	1100200185	Huỳnh Mẫn	Nhi	30	25		15				70	Khá
50	1100200186	Ngô Yến	Nhi	30	25		15				70	Khá
51	1100200192	Võ Thị Ngọc	Như	30	25		15				70	Khá
52	1100200194	Võ Nguyễn Hồng	Nhung	30	25		15				70	Khá
53	1100200200	Trần Hoàng	Phúc	30	25	5	15				75	Khá
54	1100200203	Hồ Tấn	Phước	30	25		15				70	Khá
55	1100200204	Đặng Ngọc	Phương	30	25		15				70	Khá
56	1100200213	Vương Đình	Phương	30	25		15				70	Khá
57	1100200216	Nguyễn Hà	Quyên	30	25		15				70	Khá
58	1100200217	Văn Lệ	Quyên	30	25		15				70	Khá
59	1100200229	Tô Thị	Tâm	30	20	5	15				70	Khá
60	1100200231	Mai Thị Thu	Thắm	30	25	5	15				75	Khá
61	1100200232	Nguyễn Thị	Thắm	30	25		15				70	Khá
62	1100200238	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	30	25		15				70	Khá
63	1100200016	Nguyễn Thị Phương	Thi								0	Kém
64	1100200016	Nguyễn Thị Phương	Thi	30	25		15				70	Khá
65	1100200244	Hồ Thị Thanh	Thơ	30	25		15				70	Khá
66	1100200249	Tăng Thị Trúc	Thu								0	Kém
67	1100200253	Phạm Thị Hoài	Thương	30	10		15				55	Trung bình
68	1100200254	Phạm Thị Ngọc	Thương	30	25		15				70	Khá
69	1100200255	Trương Thị Mộng	Thương	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
70	1100200260	Trần Thị Quang	Thùy	30	20		15				65	Trung bình khá
71	1100200268	Nguyễn Thị Hồng	Tiên	30	25		15				70	Khá
72	1100200274	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	30	25		15				70	Khá
73	1100200277	Trần Ngọc	Trâm	30	25		15				70	Khá
74	1100200284	Huỳnh Thị Thùy	Trang	30	25	3	15				73	Khá
75	1100200285	Lê Thụy Đoan	Trang	30	25		15				70	Khá
76	1100200289	Trần Thụy Dương	Trang	30	25		15				70	Khá
77	1100200291	Vũ Nguyễn Thùy	Trang	30	25		15				70	Khá
78	1100200292	Nguyễn Minh	Trí	30	25		15				70	Khá
79	1100200296	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	30	25		15				70	Khá
80	1100200300	Trần Thị Tuyết	Trinh	30	20	5	15				70	Khá
81	1100200301	Võ Minh	Trinh								0	Kém
82	1100200298	Trần Mai Tú	Trinh	30	25		15				70	Khá
83	1100200303	Nguyễn Thành	Trọng	30	25	5	15				75	Khá
84	1100200304	Châu Thanh	Trúc	30	20		15				65	Trung bình khá
85	1100200305	Đinh Thanh	Trúc	30	25		15				70	Khá
86	1100200306	Hồ Thanh	Trúc	30	20		15				65	Trung bình khá
87	1100200307	Nguyễn Lâm Thanh	Trúc	30	25		15				70	Khá
88	1100200308	Nguyễn Thanh	Trúc	30	25		15				70	Khá
89	1100200309	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	30	25		15				70	Khá
90	1100200311	Nguyễn Thị Chánh	Trung	30	25	5	15				75	Khá
91	1100200250	Nguyễn Thị	Tư	30	25		15				70	Khá
92	1100200314	Nguyễn Thị Xuân	Tươi								0	Kém
93	1100200316	Nguyễn Thị Kim	Tuyên	30	25		15				70	Khá
94	1100200317	Huỳnh Thị Kim	Tuyến								0	Kém

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
95	1100200323	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	30	25		15				70	Khá
96	1100200324	Trần Thị Ánh	Tuyết	30	25		15				70	Khá
97	1100200326	Hoàng Thảo	Uyên	30	20	3	15				68	Trung bình khá
98	1100200328	Trần Nhật	Uyên	30	25		15				70	Khá
99	1100200329	Trần Thị Tố	Uyên	30	25		15				70	Khá
100	1100200331	Nguyễn Thị Hồng	Vân	30	25	5	15				75	Khá
101	1100200336	Nguyễn Ngọc	Vinh	30	15	5	15				65	Trung bình khá
102	1100200339	Trương Minh	Vũ	30	25	5	15				75	Khá
103	1100200338	Nguyễn Lê Giang	Vũ	30	20		15				65	Trung bình khá
104	1100200341	Đoàn Thanh	Vy	30	25		15				70	Khá
105	1100200344	Trần Thị Kim	Xuân	30	25		15				70	Khá
106	1100200345	Nguyễn Hoàng	Xuyến	30	25		15				70	Khá
107	1100200349	Tô Kim	Yến	30	25		15				70	Khá
108	1100200350	Tống Thị	Yến	30	25	5	15				75	Khá
109	1100200352	Trịnh Thị Kim	Yến	30	15		15				60	Trung bình khá
		LỚP KT11C2										
1	1100200004	Huỳnh Thị Phương	Anh	30	25		15				70	Khá
2	1100200017	Tô Thị Mỹ	Chi	30	25	10	15				80	Tốt
3	1100200021	Đặng Thị Thúy	Diễm								0	Kém
4	1100200037	Võ Ngọc	Điệp	30	15	3	15				63	Trung bình khá
5	1100200024	Đặng Thị	Diệu	30	18	10	15				73	Khá
6	1100200028	Huỳnh Thị Phương	Dung								0	Kém
7	1100200033	Lê Trang Mỹ	Duyên	30	25	3	15				73	Khá
8	1100200041	Bùi Thị Thu	Hà	30	25		15				70	Khá
9	1100200043	Nguyễn Thị Sơn	Hà								0	Kém

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
10	1100200046	Trương Diệu	Hà	30	25	13	15				83	Tốt
11	1100200051	Lê Thị Lệ	Hằng	30	25		15				70	Khá
12	1100200052	Lê Thúy	Hằng	30	25	3	15				73	Khá
13	1100200054	Trần Thị lệ	Hằng	30	25	3	15				73	Khá
14	1100200064	Bùi Thanh	Hậu								0	Kém
15	1100200066	Đào Thanh	Hiền	30	25		15				70	Khá
16	1100200068	Hồ Thị Thu	Hiền	30	25		15				70	Khá
17	1100200078	Nguyễn Thị Kiều	Hon	30	25	13	15				83	Tốt
18	1100200083	Nguyễn Thị Thu	Hồng	30	25	3	15				73	Khá
19	1100200085	Phan Thái	Hưng	30	25		15				70	Khá
20	1100200091	Nguyễn Thanh	Hường	30	25	3	15				73	Khá
21	1100200098	Dương	Huynh	30	25		15				70	Khá
22	1100200102	Nguyễn Tấn	Khải								0	Kém
23	1100200105	Võ Lưỡng	Khoa	30	25		15				70	Khá
24	1100200106	Đỗ Thị Hồng	Khuê								0	Kém
25	1100200107	Trần Phú	Khuê	30	15	13	15				73	Khá
26	1100200113	Nguyễn Thị Kim	Lai								0	Kém
27	1100200118	Võ Thị	Lan								0	Kém
28	1100200119	Trần Thị Mỹ	Lành	30	25	3	15				73	Khá
29	1100200121	Trần Thị	Len								0	Kém
30	1100200127	Hồ Tú	Linh	30	25	3	15				73	Khá
31	1100200130	Lê Thị	Linh	30	25	3	15				73	Khá
32	1100200135	Nguyễn Thùy	Linh	30	20		15				65	Trung bình khá
33	1100200137	Phan Phượng	Linh	30	15	3	15				63	Trung bình khá
34	1100200138	Trần Ngọc	Linh	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
35	1100200154	Nguyễn Nhật Hoàng	Minh	30	10		15				55	Trung bình
36	1100200158	Nguyễn Thùy Diễm	My								0	Kém
37	1100200160	Nguyễn Thành	Nam	30	25		15				70	Khá
38	1100200162	Kim Thị Hồng	Nga	30	25		15				70	Khá
39	1100200161	Hàn Thị Hồng	Nga	30	18	10	15				73	Khá
40	1100200167	Trần Thị Mỹ	Ngà	30	15		15				60	Trung bình khá
41	1100200169	Mai Thị Mỹ	Ngân	30	25	3	15				73	Khá
42	1100200170	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	30	25		15				70	Khá
43	1100200180	Nguyễn Thị	Nguyệt	30	15		15				60	Trung bình khá
44	1100200181	Võ Thị	Nhàn	30	25	3	15				73	Khá
45	1100200184	Hồ Ngọc	Nhi	30	25		15				70	Khá
46	1100200188	Phan Trương Yến	Nhi	30	25		15				70	Khá
47	1100200193	Ngô Hồng	Nhung	30	25	3	15				73	Khá
48	1100200195	Bùi Thị Kiều	Oanh	30	25		15				70	Khá
49	1100200197	Nguyễn Thị Vân	Phi	30	20		15				65	Trung bình khá
50	1100200199	Phan Trọng	Phú	30	25		15				70	Khá
51	1100200208	Nguyễn Thị Thanh	Phương	30	25		15				70	Khá
52	1100200212	Vũ Thị Bích	Phương	30	25		15				70	Khá
53	1100200211	Trịnh Minh	Phượng	30	25	3	15				73	Khá
54	1100200354	Nguyễn Thị Hồng	Sáu	30	25		15				70	Khá
55	1100200222	Đặng Bảo	Sơn	30	25		15				70	Khá
56	1100200223	Lê Thị Kim	Sương	30	25		15				70	Khá
57	1100200227	Lý Hoàng Thảo	Tâm								0	Kém
58	1100200233	Huỳnh Thị	Thắng								0	Kém
59	1100200240	Phạm Thị	Thảo	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
60	1100200242	Võ Thị Thanh	Thảo	30	25	3	15				73	Khá
61	1100200243	Nguyễn Thị Mai	Thi	30	25		15				70	Khá
62	1100200248	Huỳnh Thị Ngọc	Thu	30	25		15				70	Khá
63	1100200257	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	30	25		15				70	Khá
64	1100200258	Vũ Thị Kim	Thúy	30	25		15				70	Khá
65	1100200266	Hoàng Thị Thủy	Tiên	30	20		15				65	Trung bình khá
66	1100200270	Trần Quốc	Tiến								0	Kém
67	1100200275	Phạm Thị Quỳnh	Trâm	30	25	3	15				73	Khá
68	1100200276	Phan Thị Ngọc	Trâm	30	25		15				70	Khá
69	1100200279	Tiêu Trần Hồng	Trân	30	25		15				70	Khá
70	1100200286	Nguyễn Thị	Trang								0	Kém
71	1100200287	Nguyễn Thị Linh	Trang	30	25	10	15				80	Tốt
72	1100200288	Nguyễn Thị Xuân	Trang								0	Kém
73	1100200299	Trần Thị Hồng	Trinh	30	25	3	15				73	Khá
74	1100200302	Nguyễn Duy	Trọng	30	25		15				70	Khá
75	1100200313	Kim Ngọc	Tuấn	28	20		15				63	Trung bình khá
76	1100200320	Mai Thị Thanh	Tuyền	30	25		15				70	Khá
77	1100200327	Ngô Thụy Phương	Uyên	30	25		15				70	Khá
78	1100200330	Đỗ Thị Thu	Vân	30	25	3	15				73	Khá
79	1100200333	Bùi Nguyễn Tường	Vi	30	25	3	15				73	Khá
80	1100200340	Trần Minh	Vương								0	Kém
81	1100200343	Nguyễn Nhật	Vy	30	25		15				70	Khá
82	1100200348	Nguyễn Thị Hải	Yến	30	25		15				70	Khá
		LỚP KT11C3										
1	1100200008	Phạm Tuấn	Anh	30	15		15				60	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
2	1100200009	Dương Ngọc	Ánh	30	15		15				60	Trung bình khá
3	1100200011	Phạm Thị Hồng	Bích	30	15		15				60	Trung bình khá
4	1100200013	Lê Thanh	Bình	30	15		15				60	Trung bình khá
5	110002014	Nguyễn Thị Hải	Bình	30	15		15				60	Trung bình khá
6	1100200015	Trần Thị Diễm	Châu	30	25		15				70	Khá
7	1100200018	Võ Thị Kim	Chung								0	Kém
8	1100200036	Nguyễn Thị	Điểm	30	15		15				60	Trung bình khá
9	1100200026	Hoàng Mỹ	Dung	30	25		15				70	Khá
10	1100200031	Nguyễn Thị	Dương	30	15		15				60	Trung bình khá
11	1100200042	Lâm Ngọc	Hà	30	25		15				70	Khá
12	1100200045	Nhâm Thị Thanh	Hà	30	15		15				60	Trung bình khá
13	1100200048	Ngô Thế	Hải	30	15		15				60	Trung bình khá
14	1100200065	Đặng Thị	Hiền	30	15		15				60	Trung bình khá
15	1100200076	Nguyễn Thị	Hoài	30	15		15				60	Trung bình khá
16	1100200079	Lê Xuân	Hồng								0	Kém
17	1100200086	Lê Thị Thanh	Hương	30	10		15				55	Trung bình
18	1100200020	Hà Thị Thúy	Hường	30	15		15				60	Trung bình khá
19	1100200097	Trần Thị Lệ	Huyền	30	10		15				55	Trung bình
20	1100200100	Võ Thị Thu	Huỳnh	30	25		15				70	Khá
21	1100200108	Nguyễn Trung	Kiên	30	25		15				70	Khá
22	1100200114	Nguyễn Thị Thanh	Lam	30	25		15				70	Khá
23	1100200123	Mai Kim	Liên	30	15		15				60	Trung bình khá
24	1100200125	Nguyễn Thị Thúy	Liểu	30	25		15				70	Khá
25	1100200133	Nguyễn Ngọc Cẩm	Linh	30	15		15				60	Trung bình khá
26	1100200141	Nông Thị Thanh	Loan	30	15		15				60	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
27	1100200143	Phạm Thị	Lộc								0	Kém
28	1100200146	Phạm Thị	Lý	30	25		15				70	Khá
29	1100200147	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	30	15		15				60	Trung bình khá
30	1100200148	Lưu Thị	Mai	30	20		15				65	Trung bình khá
31	1100200149	Nguyễn Thị Nguyệt	Mai	30	25		15				70	Khá
32	1100200151	Mao Yuoc	Mei	30	15		15				60	Trung bình khá
33	1100200157	Nguyễn Thị Thu	Mùa	30	25		15				70	Khá
34	1100200163	Lê Thị Thúy	Nga	30	15		15				60	Trung bình khá
35	1100200165	Phan Thị Thúy	Nga	30	15		15				60	Trung bình khá
36	1100200172	Tạ Thị Hồng	Ngân	30	25		15				70	Khá
37	1100200176	Trần Thị	Ngọc	30	25		15				70	Khá
38	1100200189	Đào Thị	Nhị	30	15		15				60	Trung bình khá
39	1100200202	Trần Nguyễn Bảo	Phụng	30	15		15				60	Trung bình khá
40	1100200205	Mai Huỳnh Bích	Phương	30	15		15				60	Trung bình khá
41	1100200207	Nguyễn Thị Kim	Phương	30	15		15				60	Trung bình khá
42	1100200210	Thái Linh	Phương	30	15		15				60	Trung bình khá
43	1100200214	Đào Minh	Quân	30	10		15				55	Trung bình
44	1100200219	Nguyễn Văn	Sang	30	25		15				70	Khá
45	1100200224	Trương Thị	Sương	30	25		15				70	Khá
46	1100200225	Bùi Hoàng	Tâm	30	25		15				70	Khá
47	1100200235	Phạm Quốc	Thắng	30	15		15				60	Trung bình khá
48	1100200236	Trần Kim	Thanh	30	25		15				70	Khá
49	1100200237	Nguyễn Thị Phương	Thảo	30	25		15				70	Khá
50	1100200239	Nguyễn Trương Mai	Thảo								0	Kém
51	1100200245	Nguyễn Xuân Bảo	Thọ	30	15		15				60	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
52	1100200252	Nguyễn Thúy	Thuận	30	25		15				70	Khá
53	1100200256	Nguyễn Thị	Thúy	30	15		15				60	Trung bình khá
54	1100200262	Nguyễn Thị Bích	Thủy	30	25		15				70	Khá
55	1100200264	Phạm Thị Phương	Thủy	30	25		15				70	Khá
56	1100200267	Huỳnh Thị Minh	Tiên	30	25		15				70	Khá
57	1100200269	Quảng Mỹ	Tiên	30	25		15				70	Khá
58	1100200271	Hồ Thị	Tiền	30	15		15				60	Trung bình khá
59	1100200273	Trần Thị	Tố	30	25	10	15				80	Tốt
60	1100200281	Đồng Thị Minh	Trang								0	Kém
61	1100200290	Trương Thùy	Trang	30	15		15				60	Trung bình khá
62	1100200293	Võ Thanh	Trí	30	15		15				60	Trung bình khá
63	1100200295	Lê ThỊ Mỹ	Trinh	30	20		15				65	Trung bình khá
64	1100200310	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	30	10		15				55	Trung bình
65	1100200318	Đoàn Thị Thanh	Tuyền	30	15		15				60	Trung bình khá
66	1100200321	Võ Thị Thanh	Tuyền	30	15		15				60	Trung bình khá
67	1100200334	Lê Thị Phúc	Vi	30	15		15				60	Trung bình khá
68	1100200335	Trương Thị Hạ	Vi	30	15		15				60	Trung bình khá
69	1100200337	Lê Vi	Vũ	30	20		15				65	Trung bình khá
70	1100200346	Đinh Thị	Ý	30	15		15				60	Trung bình khá
		LỚP QT11C1										
1	1100600001	Huỳnh Hữu	Ái								0	Kém
2	1100600002	Đặng Lê Thuận	An	30	20	5	15				70	Khá
3	1100600004	Dương Thị Thúy	An	30	25	3	15				73	Khá
4	1100600005	Hoàng Phong	Anh	30	25	3	15				73	Khá
5	1100600010	Trần Ngọc	Anh	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
6	1100600011	Trần Thị Ngọc	Anh	30	25		15				70	Khá
7	1100600014	Nguyễn Trọng	Bảo	30	20		15				65	Trung bình khá
8	1100600015	Đinh Công	Bình	30	25	5	15				75	Khá
9	1100600019	Trương Lệ	Bình	30	25		15				70	Khá
10	1100600024	Đỗ Ngọc	Chi	30	25		15				70	Khá
11	1100600028	Trần Huệ	Chi								0	Kém
12	1100600030	Nguyễn Phạm Kiều	Chinh	30	25		15				70	Khá
13	1100600032	Vũ Thị	Côi	30	25	8	15				78	Khá
14	1100600034	Hứa Trịnh	Cường	30	20	5	15				70	Khá
15	1100600037	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	30	20		15				65	Trung bình khá
16	1100600038	Hoàng Thị	Diệu	30	25	3	15				73	Khá
17	1100600040	Nguyễn Phương	Dung	30	25		15				70	Khá
18	1100600041	Nguyễn Thị Kim	Dung								0	Kém
19	1100600048	Lã Hồ Xuân	Duy								0	Kém
20	1100600062	Nguyễn Thị Hồng	Hà	30	25		15				70	Khá
21	1100600066	Dương Thành	Hải	30	25	10	15				80	Tốt
22	1100600067	Nguyễn Văn	Hải								0	Kém
23	1100600068	Tô Tùng	Hải	30	25	3	15				73	Khá
24	1100600071	Võ Thị Ngọc	Hân								0	Kém
25	1100600072	Hồ Thị Phương	Hằng	30	25		15				70	Khá
26	1100600073	Nguyễn Thị Thu	Hằng								0	Kém
27	1100600086	Võ Thị Mỹ	Hiền	30	15		15				60	Trung bình khá
28	1100600084	Nguyễn Thị	Hiền	30	20	3	15				68	Trung bình khá
29	1100600088	Đinh Ngọc	Hiếu	30	25		15				70	Khá
30	1100600094	Trần Trung	Hiếu	30	20		15				65	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
31	1100600097	Dương Gia	Hoai								0	Kém
32	1100600101	Triệu Văn	Học	30	25	5	15				75	Khá
33	1100600102	Quách Tuấn	Hồng	30	25	5	15				75	Khá
34	1100600106	Phạm Văn	Hùng	30	25	3	15				73	Khá
35	1100600110	Nguyễn Vũ	Hưng	30	25	3	15				73	Khá
36	1100600115	Lâm Triều	Hữu	30	25		15				70	Khá
37	1100600116	Nguyễn Chí	Hữu	30	20	15	15				80	Tốt
38	1100600117	Dương Công	Huy	30	25	5	15				75	Khá
39	1100600125	Lê Thị Thanh	Huyền								0	Kém
40	1100600128	Hoàng Đại	Kha	30	10	3	15				58	Trung bình
41	1100600131	Đỗ Ngọc	Khang								0	Kém
42	1100600134	Nguyễn Thị Hồng	Khanh	30	20		15				65	Trung bình khá
43	1100600138	Trần Kim	Khánh	30	25	3	15				73	Khá
44	1100600141	Phạm Hoàng	Khoa	30	25	3	15				73	Khá
45	1100600144	Nguyễn Trung	Kiên								0	Kém
46	1100600145	Đinh Nguyễn Anh	Kiệt	30	25	3	15				73	Khá
47	1100600150	Phạm Văn	Kỳ								0	Kém
48	1100600155	Đỗ Thảo	Lan								0	Kém
49	1100600164	Hồ Thị Mỹ	Linh	30	25	3	15				73	Khá
50	1100600165	Lương Tú	Linh	30	25		15				70	Khá
51	1100600172	Lê Nguyễn Ngọc	Loan	30	25		15				70	Khá
52	1100600174	Nguyễn Kim	Loan	30	25		15				70	Khá
53	1100600179	Nguyễn Kim	Long	30	25	10	15				80	Tốt
54	1100600181	Nguyễn Trọng	Long								0	Kém
55	1100600178	Mâu Thanh	Long	30	20	5	15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
56	1100600187	Nguyễn Hà	Lượng	30	20	15	15				80	Tốt
57	1100600188	Trương Hoàng Thảo	Ly	30	15	3	15				63	Trung bình khá
58	1100600189	Đỗ Thị Xuân	Mai	30	25		15				70	Khá
59	1100600190	Hoàng Thị Tuyết	Mai	30	25	3	15				73	Khá
60	1100600192	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	30	20	3	15				68	Trung bình khá
61	1100600196	Nguyễn Ngọc Nhật	Minh	30	25		15				70	Khá
62	1100600199	Ông Văn	Minh	30	25	3	15				73	Khá
63	1100600208	Trần Thị Ngọc	Nga	30	25	5	15				75	Khá
64	1100600213	Vũ Thị Kim	Ngân	30	25	3	15				73	Khá
65	1100600216	Phan Đức	Nghĩa	30	20		15				65	Trung bình khá
66	1100600221	Lê Thị Bích	Ngọc	30	25		15				70	Khá
67	1100600224	Trần Thị Bích	Ngọc	30	25		15				70	Khá
68	1100600229	Nguyễn Lê Vi	Nhật								0	Kém
69	1100600231	Cao Thị Tuyết	Nhung	30	25		15				70	Khá
70	1100600232	Lâm Hồng	Nhung	30	25		15				70	Khá
71	1100600233	Nguyễn Kim	Nhung	30	25		15				70	Khá
72	1100600255	Nguyễn Hữu	Phước	30	25	3	15				73	Khá
73	1100600257	Đinh Văn	Phương								0	Kém
74	1100600266	Nguyễn Hoàng Thụy	Quân	25	25		15				65	Trung bình khá
75	1100600267	Phạm Minh	Quân	30	25	3	15				73	Khá
76	1100600268	Trần Minh	Quân	25	25	3	15				68	Trung bình khá
77	1100600273	Trần Ngọc	Quyến	30	25	3	15				73	Khá
78	1100600276	Đinh Ngọc Xuân	Quỳnh								0	Kém
79	1100600279	Nguyễn Thị	Sen	30	25	5	15				75	Khá
80	1100600281	Lâm Hoàng	Sơn	30	25	5	15				75	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
81	1100600282	Nguyễn Ngọc	Sơn	30	25		15				70	Khá
82	1100600283	Nguyễn Phạm Kim	Sơn	30	15	3	15				63	Trung bình khá
83	1100600284	Nguyễn Tất	Sơn	30	25	20	15	10			100	Xuất sắc
84	1100600291	Đoàn Thanh	Tân	30	25		15				70	Khá
85	1100600294	Phạm Lê Viết	Thái	30	25		15				70	Khá
86	1100600304	Võ Phạm Trường	Thanh	30	25	3	15				#REF!	#REF!
87	1100600308	Đinh Ngọc Phương	Thảo								0	Kém
88	1100600313	Nguyễn Thị Thu	Thảo								0	Kém
89	1100600315	Nguyễn Trần Phương	Thảo	30	25		15				70	Khá
90	1100600317	Phạm Ngọc Long	Thiên	30	25	10	15				80	Tốt
91	1100600325	Nguyễn Văn	Thọ	30	20		15				65	Trung bình khá
92	1100600327	Nguyễn Thị	Thu	30	25	13	15				83	Tốt
93	1100600339	Lê Minh	Tiến	30	25		15				70	Khá
94	1100600341	Phan Phúc	Tiến								0	Kém
95	1100600343	Phan Thiên	Tín								0	Kém
96	1100600345	Ngô Hữu	Toàn	30	25		15				70	Khá
97	1100600348	Trần Thụy Bích	Trâm								0	Kém
98	1100600355	Nguyễn Thị Mai	Trang	30	20		15				65	Trung bình khá
99	1100600357	Nguyễn Trần Xuân	Trang								0	Kém
100	1100600358	Phạm Lâm Khánh	Trang	30	25		15				70	Khá
101	1100600359	Phạm Lê Minh	Trang								0	Kém
102	1100600361	Phạm Hiền	Triết	30	15	3	15				63	Trung bình khá
103	1100600368	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh								0	Kém
104	1100600370	Nguyễn Văn	Trinh	30	20	3	15				68	Trung bình khá
105	1100600371	Nguyễn Đăng	Trọng	30	15	5	15				65	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
106	1100600372	Nguyễn Thị Thanh	Trúc								0	Kém
107	1100600373	Nguyễn Phạm Trung	Trực	30	10	3	15				58	Trung bình
108	1100600374	Lâm Phước	Trung	30	25	3	15				73	Khá
109	1100600380	Nguyễn Thanh	Tú	30	20	3	15				68	Trung bình khá
110	1100600379	Nguyễn Anh	Tú	30	10	3	15				58	Trung bình
111	1100600387	Ngô Phương	Tùng	30	25	3	15				73	Khá
112	1100600388	Nguyễn Hiếu Thanh	Tùng	30	20	3	15				68	Trung bình khá
113	1100600393	Trần Ngọc Phương	Tuyền	30	15	3	15				63	Trung bình khá
114	1100600394	Trần Nguyên	Văn	30	25	5	15				75	Khá
115	1100600402	Dương Hoàn	Vũ	30	25		15				70	Khá
		LỚP QT11C2										
1	1100600006	Hoàng Thị Vân	Anh	30	25	3	15				73	Khá
2	1100600009	Nguyễn Vũ Duy	Anh	30	25		15				70	Khá
3	1100600017	Nguyễn	Bình	30	20	3	15				68	Trung bình khá
4	1100600020	Nguyễn Văn	Ca								0	Kém
5	1100600027	Tần Quốc Kim	Chi	30	25	3	15				73	Khá
6	1100600055	Phạm Thị	Đến	30	25	20	15				90	Xuất sắc
7	1100600042	Phan Thị Mỹ	Dung	30	20		15				65	Trung bình khá
8	1100600049	Lê Thị Kim	Duyên	30	25	3	15				73	Khá
9	1100600063	Trương Thị Thanh	Hà	30	25	3	15				73	Khá
10	1100600065	Bùi Trung	Hải	30	25		15				70	Khá
11	1100600069	Lê Thị Ngọc	Hân	30	25	3	15				73	Khá
12	1100600082	Đoàn Thị Lệ	Hiền								0	Kém
13	1100600093	Trần Thị Thanh	Hiếu	30	20		15				65	Trung bình khá
14	1100600103	Lê Quốc	Huấn	30	25	13	15				83	Tốt

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
15	1100600104	Lê Ngọc	Huệ	30	25		15				70	Khá
16	1100600108	Lâm Thông Thái	Hưng	30	25		15				70	Khá
17	1100600109	Nguyễn Minh	Hưng								0	Kém
18	1100600111	Trần Hồ	Hưng	30	25	3	15				73	Khá
19	1100600114	Nguyễn Nhã Xuân	Hương								0	Kém
20	1100600119	Huyền Đình	Huy	30	20		15				65	Trung bình khá
21	1100600120	Lưu Khắc	Huy	30	25		15				70	Khá
22	1100600122	Ong Thường	Huy	30	20		15				65	Trung bình khá
23	1100600123	Trần Quốc	Huy	30	25		15				70	Khá
24	1100600124	Đỗ Thị	Huyền								0	Kém
25	1100600126	Lý Mỹ	Huyền	30	25		15				70	Khá
26	1100600127	Trần Thị Mỹ	Huyền	30	10	3	15				58	Trung bình
27	1100600130	Châu Dị	Khang	30	15		15				60	Trung bình khá
28	1100600135	Nguyễn Hy	Khánh	30	25	3	15				73	Khá
29	1100600136	Nguyễn Phan	Khánh								0	Kém
30	1100600139	Nguyễn Hùng	Khiêm	30	25		15				70	Khá
31	1100600147	Tạ Thúy	Kim	30	25		15				70	Khá
32	1100600148	Nguyễn Hữu	Kỳ								0	Kém
33	1100600149	Phạm Bảo	Kỳ	30	20		15				65	Trung bình khá
34	1100600159	Hà Thanh	Liêm	30	25		15				70	Khá
35	1100600162	Trương Văn	Liến	30	20	13	15				78	Khá
36	1100600166	Lưu Mỹ	Linh	30	20		15				65	Trung bình khá
37	1100600176	Nguyễn Văn Phước	Lộc	30	25		15				70	Khá
38	1100600198	Trương Xuân	Luôn	30	20		15				65	Trung bình khá
39	1100600219	Lâm Ngọc	Mỹ	30	25	3	15				73	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
40	1100600204	Trần Minh	Nam	30	20		15				65	Trung bình khá
41	1100600207	Nguyễn Thúy	Nga	30	20	3	15				68	Trung bình khá
42	1100600222	Lê Thị Bích	Ngọc	30	25		15				70	Khá
43	1100600223	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Ngọc	30	20	13	15				78	Khá
44	1100600228	Đỗ Văn	Nhật								0	Kém
45	1100600230	Mạch Tuyết	Nhi								0	Kém
46	1100600235	Phạm Hồng	Nhung	30	15	3	15				63	Trung bình khá
47	1100600238	Trịnh Thị Mỹ	Nhung	30	25	3	15				73	Khá
48	1100600245	Nguyễn Thanh	Phong								0	Kém
49	1100600246	Nguyễn Văn	Phong	30	25		15				70	Khá
50	1100600253	Võ Hoàng	Phúc	30	25		15				70	Khá
51	1100600254	Lê Anh	Phụng	30	20	3	15				68	Trung bình khá
52	1100600274	Nguyễn Duy	Phước								0	Kém
53	1100600256	Chềnh Tuyết	Phương	30	25	3	15				73	Khá
54	1100600259	Nguyễn Huỳnh Kim	Phương	25	25	20	15	10			95	Xuất sắc
55	1100600264	Lê	Quân								0	Kém
56	1100600278	Hàng Duy	Sang	30	25	3	15				73	Khá
57	1100600289	Phan Ngọc	Tâm	30	25		15				70	Khá
58	1100600293	Nguyễn Hiền	Thái	30	20		15				65	Trung bình khá
59	1100600296	Bùi Thị	Thắm	30	25	20	15				90	Xuất sắc
60	1100600297	Châu Thị Ngọc	Thắng	30	25	3	15				73	Khá
61	1100600299	Hoàng Mộng	Thanh								0	Kém
62	1100600309	Lê Thị Bích	Thảo	30	25	3	15				73	Khá
63	1100600316	Vũ Thị Thu	Thảo	30	25	13	15				83	Tốt
64	1100600321	Lê Hồ Bá	Thịnh	30	20		15				65	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
65	1100600324	Phạm Thị	Thơ	30	25	3	15				73	Khá
66	1100600328	Nguyễn Thị	Thu	30	25		15				70	Khá
67	1100600330	Trần Phan Quỳnh	Thư	30	25	3	15				73	Khá
68	1100600332	Nguyễn Văn	Thương	30	25	3	15				73	Khá
69	1100600335	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy								0	Kém
70	1100600342	Nguyễn Thị	Tiếp	30	25	3	15				73	Khá
71	1100600350	Dương Kim	Trang								0	Kém
72	1100600356	Nguyễn Thị Thùy	Trang	30	25	3	15				73	Khá
73	1100600354	Nguyễn Thị Hồng	Trang	30	25		15				70	Khá
74	1100600363	Đặng Thị Việt	Trinh	30	25		15				70	Khá
75	1100600365	Hồ Thị Ngọc	Trinh	30	15	3	15				63	Trung bình khá
76	1100600366	Nguyễn Ngọc Tố	Trinh	30	25		15				70	Khá
77	1100600367	Nguyễn Ngọc Tuyết	Trinh								0	Kém
78	1100600375	Nguyễn Phú	Trung	30	20		15				65	Trung bình khá
79	1100600377	Nguyễn Tuấn	Trung	30	25		15				70	Khá
80	1100600381	Nguyễn Trọng	Tú	30	25		15				70	Khá
81	1100600385	Trần Minh	Tuấn	30	20		15				65	Trung bình khá
82	1100600386	Cao Thanh	Tùng	30	15		15				60	Trung bình khá
83	1100600397	Phạm Lê Quốc	Việt	30	15	3	15				63	Trung bình khá
84	1100600398	Lê Công	Vinh	30	25	3	15				73	Khá
85	1100600399	Lê Quang	Vinh	30	20	20	15	10			95	Xuất sắc
86	1100600403	Lưu Quang	Vũ								0	Kém
87	1100600405	Võ Xuân	Vũ	30	20		15				65	Trung bình khá
88	1100600409	Lê Hồng	Xuân	30	15		15				60	Trung bình khá
89	1100600412	Trương Thị Ngọc	Xuân	30	20	3	15				68	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
		LỚP QT11C3										
1	1100600007	Huỳnh Thị Lan	Anh	25	20	5	10				60	Trung bình khá
2	1100600008	Nguyễn Tuấn	Anh	25	25	5	15				70	Khá
3	1100600016	Mai Thị Xuân	Bình	30	25	10	15	10			90	Xuất sắc
4	1100600021	Nguyễn Đăng	Cẩn	30	25	5	15				75	Khá
5	1100600022	Nguyễn Minh	Châu	30	15		15				60	Trung bình khá
6	1100600026	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	30	20	5	15				70	Khá
7	1100600029	Phạm Ngọc	Chiến	30	25		15				70	Khá
8	1100600033	Hứa Chí	Cường	30	20		15				65	Trung bình khá
9	1100600036	Phạm Công	Cường	30	20		15				65	Trung bình khá
10	1100600052	Dương Tấn	Đạt	30	25		15				70	Khá
11	1100600044	Võ Thụy Hoàng	Dung	30	20		15				65	Trung bình khá
12	1100600046	Đoàn Trùng	Dương	30	20		15				65	Trung bình khá
13	1100600058	Diệp Minh Cảnh	Em	30	25		15				70	Khá
14	1100600059	Nguyễn Trường	Giang	30	25	5	15				75	Khá
15	1100600061	Lê Thị Thu	Hà	30	25		15				70	Khá
16	1100600064	Trương Thị Thu	Hà	30	20	10	15				75	Khá
17	1100600074	Nguyễn Thị Thu	Hằng	30	15	10	15				70	Khá
18	1100600076	Nguyễn Thị	Hảo	30	25	10	15				80	Tốt
19	1100600078	Nguyễn Quang	Hậu	30	25		15				70	Khá
20	1100600079	Phạm Trung	Hậu	30	25		15				70	Khá
21	1100600080	Bùi Cẩm	Hệ	30	20		15				65	Trung bình khá
22	1100600081	Châu Tuấn	Hỉ	30	25	5	15				75	Khá
23	1100600083	Dương Thanh	Hiền	30	25		15				70	Khá
24	1100600085	Trần Như	Hiền	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
25	1100600087	Nguyễn Văn	Hiệp								0	Kém
26	1100600089	Hồ Trung	Hiếu	25	25	10	15				75	Khá
27	1100600092	Phạm Quốc	Hiếu	28	20		15				63	Trung bình khá
28	1100600091	Nguyễn Đức	Hiếu	30	20		15				65	Trung bình khá
29	1100600095	Hoàng Đình	Hòa								0	Kém
30	1100600099	Phạm Huy	Hoàng	30	25		15				70	Khá
31	1100600112	Đoàn Thị Kim	Hương								0	Kém
32	1100600113	Nguyễn Hồ Tuyết	Hương	30	20		15				65	Trung bình khá
33	1100600118	Giang Văn	Huy	30	25	5	15				75	Khá
34	1100600133	Trần Nguyên	Khang	30	25		15				70	Khá
35	1100600137	Nguyễn Văn	Khánh	30	20		15				65	Trung bình khá
36	1100600140	Lý Anh	Khoa	30	25		15				70	Khá
37	1100600146	Phạm Ngọc Thiên	Kim	30	15		15				60	Trung bình khá
38	1100600153	Nguyễn Thanh	Lâm	30	25		15				70	Khá
39	1100600156	Nguyễn Đặng Hoàng	Lan	30	25	10	15				80	Tốt
40	1100600157	Phạm Ngọc Phương	Lan	30	25		15				70	Khá
41	1100600158	Phạm Thị Ngọc	Lan	30	25		15				70	Khá
42	1100600160	Nguyễn Chí	Liêm								0	Kém
43	1100600163	Chu Mạnh	Linh	30	20		15				65	Trung bình khá
44	1100600173	Lê Thị Hồng	Loan	30	10	5	15				60	Trung bình khá
45	1100600175	Đoàn Đình	Lộc								0	Kém
46	1100600177	Đỗ Thanh	Long	30	25	20	15				90	Xuất sắc
47	1100600185	Lê Văn	Lương	30	25	5	15				75	Khá
48	1100600186	Nguyễn Ngọc	Lương	30	25		15				70	Khá
49	1100600193	Phan Thị Kim	Mi	25	25		15				65	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
50	1100600194	Lê Đoàn Ánh	Minh	30	25	5	15				75	Khá
51	1100600200	Trần Thanh	Minh	30	25	8	15				78	Khá
52	1100600209	Trần Thị Thanh	Nga	30	20		15				65	Trung bình khá
53	1100600210	Nguyễn Thị Như	Ngà	30	25	10	15				80	Tốt
54	1100600214	Lương Phụng	Nghi	30	25	5	15				75	Khá
55	1100600215	Nguyễn Trọng	Nghĩa	30	25		15				70	Khá
56	1100600226	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	30	25		15				70	Khá
57	1100600227	Phạm Thanh	Nhàn	30	20	10	15				75	Khá
58	1100600240	Tăng Hòa	Ninh	30	25		15				70	Khá
59	1100600248	Trương Hoài	Phú	30	25		15				70	Khá
60	1100600251	Nguyễn Đức	Phúc	30	20		15				65	Trung bình khá
61	1100600252	Nguyễn Hồng	Phúc	30	25	5	15				75	Khá
62	1100600262	Trần Kim	Phượng	30	20		15				65	Trung bình khá
63	1100600263	Huỳnh Tấn	Quân	30	20		10				60	Trung bình khá
64	1100600271	Trương Văn	Quang	30	25		15				70	Khá
65	1100600275	Nguyễn Quốc	Quyền	25	20		15				60	Trung bình khá
66	1100600288	Lương Thị Thanh	Tâm								0	Kém
67	1100600290	Bạch Duy	Tân	30	25		15				70	Khá
68	1100600292	Lý Hải Hồng	Tân								0	Kém
69	1100600295	Trần Quốc	Thái	30	15	5	15				65	Trung bình khá
70	1100600298	Nguyễn Trần Minh	Thắng								0	Kém
71	1100600300	Nguyễn Chánh	Thanh	30	25	10	15	10			90	Xuất sắc
72	1100600302	Trần Ngọc Khương	Thanh	30	25		15				70	Khá
73	1100600303	Trương Giang	Thanh	30	15	5	15				65	Trung bình khá
74	1100600307	Thiêu Kỳ	Thành	30	20	5	15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
75	1100600310	Mai Thanh	Thảo	30	25		15				70	Khá
76	1100600314	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30	25	10	15				80	Tốt
77	1100600320	Huỳnh Văn	Thịnh	30	20		15				65	Trung bình khá
78	1100600322	Phạm Xuân	Thịnh	30	20		15				65	Trung bình khá
79	1100600326	Nguyễn Hữu	Thông	30	20	5	15				70	Khá
80	1100600329	Nguyễn Thị Lệ	Thu	30	25	5	15				75	Khá
81	1100600334	Trần Thị Thanh	Thúy	30	25		10				65	Trung bình khá
82	1100600336	Nguyễn Thị Thu	Thủy	30	25		15				70	Khá
83	1100600340	Phạm Ngọc	Tiến	30	25		15				70	Khá
84	1100600347	Mạc Thanh	Trâm	30	25		15				70	Khá
85	1100600352	Lưu Thị Kim	Trang	30	25		15				70	Khá
86	1100600364	Đỗ Trọng Phương	Trinh								0	Kém
87	1100600378	Bùi Duy	Trường								0	Kém
88	1100600382	Trần Mạnh	Tú	30	25		15				70	Khá
89	1100600383	Trương Hoài	Tú	30	25		15				70	Khá
90	1100600390	Phan Công	Tùng								0	Kém
91	1100600391	Trần Thị	Tươi	30	25		15				70	Khá
92	1100600392	Lê Anh	Tuyến	30	25	10	15				80	Tốt
93	1100600400	Trần Đặng Quang	Vinh	30	20		15				65	Trung bình khá
94	1100600406	Trần Văn	Vui	30	20	5	15				70	Khá
95	1100600410	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	30	25		15				70	Khá
96	1100600413	Nguyễn Hồng Phi	Yến	30	10	10	15				65	Trung bình khá
97	1100600414	Phạm Hải	Yến	30	25	10	15				80	Tốt
		LỚP NH11C1										
1	1100500006	Nguyễn Thị Trường	An	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
2	1100500007	Trương Trần Thúy	An	30	25		15				70	Khá
3	1100500013	Lê Thị Ngọc	Anh	30	10		15				55	Trung bình
4	1100500020	Trần Nguyễn Vân	Anh	30	15		15				60	Trung bình khá
5	1100500037	Nguyễn Duy	Cường	30	15		15				60	Trung bình khá
6	1100500038	Trần Quốc	Cường	30	15		15				60	Trung bình khá
7	1100500039	Trần Thái	Dân								0	Kém
8	1100500059	Nguyễn Văn	Đạt	30	25		15				70	Khá
9	1100500064	Phạm Hoài Ngọc	Đức	30	25		15				70	Khá
10	1100500045	Nguyễn Phương	Dung	30	25		15				70	Khá
11	1100500046	Phạm Thị Tuyết	Dung	30	25		15				70	Khá
12	1100500047	Nguyễn Minh	Dũng								0	Kém
13	1100500050	Lê Thị Kiều	Duyên	30	25		15				70	Khá
14	1100500067	Lê Thị Hương	Giang	30	25		15				70	Khá
15	1100500068	Nguyễn Trường	Giang	30	20		15				65	Trung bình khá
16	1100500076	Nguyễn Dương	Hà								0	Kém
17	1100500077	Trần Cao Thị Ngọc	Hà	30	25		15				70	Khá
18	1100500079	Trần Thị Thanh	Hà	30	25		15				70	Khá
19	1100500091	Lâm Văn	Hiệp								0	Kém
20	1100500092	Nguyễn Khánh	Hiệp	30	10		15				55	Trung bình
21	1100500095	Lai Trung	Hiếu	30	20	10	15				75	Khá
22	1100500104	Đoàn Cẩm Thanh	Hoàng	30	20		15				65	Trung bình khá
23	1100500108	Nguyễn Thiên	Hồng	30	25		15				70	Khá
24	1100500115	Trần Chí	Hùng								0	Kém
25	1100500123	Trần Ngọc	Huyên	30	25		15				70	Khá
26	1100500129	Trần Thị Kim	Khánh	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
27	1100500130	Huỳnh Ngọc Minh	Khoa	30	25		15				70	Khá
28	1100500131	Nguyễn Trọng	Khôi	30	25		15				70	Khá
29	1100500133	Cao Bảnh	Khương	30	15		15				60	Trung bình khá
30	1100500147	Phạm Thị Bé	Liên	30	20		15				65	Trung bình khá
31	1100500148	Võ Thị	Liến	30	15		15				60	Trung bình khá
32	1100500158	Võ Thị Thảo	Linh	30	25	5	15				75	Khá
33	1100500163	Phạm Khắc	Lộc	30	15		15				60	Trung bình khá
34	1100500167	Nguyễn Thanh	Luân	30	15		15				60	Trung bình khá
35	1100500177	Đặng Ngọc	Minh	30	25		15				70	Khá
36	1100500179	Nguyễn Thị Tiểu	My	30	25		15				70	Khá
37	1100500187	Nguyễn Quỳnh Kim	Ngân	30	15		15				60	Trung bình khá
38	1100500190	Trần Thị Kim	Ngân	30	25		15				70	Khá
39	1100500193	Lê Bùi Trâm	Ngọc	30	25		15				70	Khá
40	1100500200	Trần Thị Kim	Ngọc	30	25		15				70	Khá
41	1100500208	Trần Thị Trang	Nhã	30	25		15				70	Khá
42	1100500214	Huỳnh Thảo	Nhi	30	25		15				70	Khá
43	1100500219	Đỗ Hồng	Nhung	30	25		15				70	Khá
44	1100500224	Nguyễn Thị	Nở	30	25		15				70	Khá
45	1100500230	Đàm Văn	Phong								0	Kém
46	1100500236	Võ Hữu	Phú	30	25		15				70	Khá
47	1100500234	Dương Văn	Phú	30	10		15				55	Trung bình
48	1100500246	Lê Thị Hồng	Phương	30	25		15				70	Khá
49	1100500248	Nguyễn Thị Bích	Phương	30	25		15				70	Khá
50	1100500250	Nguyễn Thị Trúc	Phương	30	25		15				70	Khá
51	1100500251	Nguyễn Tô Thanh	Phương	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
52	1100500245	Lê Duy	Phương	30	10		15				55	Trung bình
53	1100500254	Trần Nguyễn Minh	Phượng	30	10		15				55	Trung bình
54	1100500259	Trần Nhật	Quang	30	25		15				70	Khá
55	1100500263	Lê Nguyễn Tố	Quyên	30	25		15				70	Khá
56	1100500266	Lý Khải	Quyền								0	Kém
57	1100500273	Lâm Ngọc Bằng	Sơn	30	15		15				60	Trung bình khá
58	1100500274	Lê Thanh	Sơn	30	25		15				70	Khá
59	1100500277	Nguyễn Thị Hồng	Sương	30	25		15				70	Khá
60	1100500278	Nguyễn Phước	Tài	30	20		15				65	Trung bình khá
61	1100500281	Nguyễn Thị Minh	Tâm	30	25		15				70	Khá
62	1100500285	Lê Thị	Thắm	30	25		15				70	Khá
63	1100500288	Nguyễn Quốc	Thắng	30	25		15				70	Khá
64	1100500291	Lưu Tú	Thanh	30	25		15				70	Khá
65	1100500298	Diệp Thị Thạch	Thảo								0	Kém
66	1100500300	Huỳnh Thanh	Thảo	30	20		15				65	Trung bình khá
67	1100500301	Lê Bích	Thảo	30	15		15				60	Trung bình khá
68	1100500302	Mai Thị Thanh	Thảo	30	25		15				0	Kém
69	1100500307	Trần Thị	Thảo	30	25		15				70	Khá
70	1100500309	Lê Thị	Thật	30	25		15				70	Khá
71	1100500310	Phan Thị Như	Thật	30	20		15				65	Trung bình khá
72	1100500314	Hoàng Phúc	Thịnh	30	15		15				60	Trung bình khá
73	1100500315	Phan Duy	Thịnh	30	25		15				70	Khá
74	1100500317	Bùi Thị Mộng	Thu	30	25		15				70	Khá
75	1100500318	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư								0	Kém
76	1100500324	Trần Thị Thu	Thúy	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
77	1100500325	Lê Ngọc	Thùy	30	25		15				70	Khá
78	1100500329	Dương Văn	Thủy	30	25		15				70	Khá
79	1100500335	Mai Thủy	Tiên	30	25		15				70	Khá
80	1100500342	Võ Nguyễn Tiến	Toàn	30	25		15				70	Khá
81	1100500343	Nguyễn Quốc	Toản	30	25		15				70	Khá
82	1100500344	Hồ Thị Như	Trâm	30	25		15				70	Khá
83	1100500351	Trần Thị Bảo	Trân	30	25		15				70	Khá
84	1100500354	Lê Thị Thùy	Trang	30	25		15				70	Khá
85	1100500355	Nguyễn Thị Huyền	Trang	30	25		15				70	Khá
86	1100500360	Thân Nguyễn Thùy	Trang	30	25		15				70	Khá
87	1100500363	Trịnh Minh	Trí	30	25		15				70	Khá
88	1100500364	Trương Tấn	Trí								0	Kém
89	1100500367	Lê Thị Tuyết	Trinh	30	25		15				70	Khá
90	1100500371	Nguyễn Thị Lan	Trinh								0	Kém
91	1100500373	Huỳnh Phương	Trúc	30	25		15				70	Khá
92	1100500377	Lê Trần Hoàng	Trung	30	25		15				70	Khá
93	1100500386	Lê Anh	Tuấn	30	10		15				55	Trung bình
94	1100500389	Phan Minh	Tuấn	30	20		15				65	Trung bình khá
95	1100500394	Phạm Thị	Tuyền	30	15		15				60	Trung bình khá
96	1100500393	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	30	20		15				65	Trung bình khá
97	1100500400	Nguyễn Hoàng Tú	Uyên	30	25		15				70	Khá
98	1100500402	Hoàng Thị	Vân	30	25		15				70	Khá
99	1100500405	Phan Ngọc	Vân	30	25		15				70	Khá
100	1100500408	Dương Trần Tường	Vi	30	25		15				70	Khá
101	1100500410	Đặng Quang	Vinh	30	20		15				65	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
102	1100500413	Nguyễn Quang	Vinh	30	10		15				55	Trung bình
103	1100500426	Nguyễn Thúy	Vy	30	25		15				70	Khá
104	1100500429	Trần Thị Hoàng	Xuân	30	25		15				70	Khá
105	1100500432	Hoàng Fi	Yến	30	25		15				70	Khá
		LỚP NH11C2										
1	1100500002	Lô Văn	An	30	25		15				70	Khá
2	1100500017	Nguyễn Vũ Minh	Anh								0	Kém
3	1100500019	Thái Kim	Anh	30	15		15				60	Trung bình khá
4	1100500021	Trần Thị Nguyệt	Ánh	30	20		15				65	Trung bình khá
5	1100500024	Lê Thị Ngọc	Bích	30	25		15				70	Khá
6	1100500026	Thái Duy	Bình								0	Kém
7	1100500028	Nguyễn Thị Ngọc	Cẩm								0	Kém
8	1100500029	Nguyễn Trọng	Cần								0	Kém
9	1100500031	Đặng Thu	Cúc								0	Kém
10	1100500058	Trần Thị Hồng	Đào	30	15		15				60	Trung bình khá
11	1100500062	Phạm Thị	Điệp								0	Kém
12	1100500069	Võ Nữ Trường	Giang	30	15		15				60	Trung bình khá
13	1100500070	Trần Thị Huỳnh	Giao	30	15		15				60	Trung bình khá
14	1100500071	Trần Thụy Trúc	Giao	30	25		15				70	Khá
15	1100500072	Lê Thị Ngọc	Giàu	30	15		15				60	Trung bình khá
16	1100500073	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	30	15		15				60	Trung bình khá
17	1100500081	Huỳnh Tấn	Hải								0	Kém
18	1100500087	Vũ Thị Mỹ	Hằng	30	25		15				70	Khá
19	1100500088	Huỳnh Thị Ngọc	Hạnh								0	Kém
20	1100500089	Mai Thị Kim	Hiên	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
21	1100500100	Ngũ Lu Đức	Hòa								0	Kém
22	1100500102	Nguyễn Thị	Hoài	30	25		15				70	Khá
23	1100500107	Nguyễn Thị Thu	Hồng	30	15		15				60	Trung bình khá
24	1100500114	Nguyễn Văn	Hùng	30	15		15				60	Trung bình khá
25	1100500122	Bùi Thị Bé	Huyên	30	15		15				60	Trung bình khá
26	1100500132	Nguyễn Tuấn	Khôi	30	25		15				70	Khá
27	1100500139	Hồ Công	Lâm								0	Kém
28	1100500144	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	30	25		15				70	Khá
29	1100500146	Phan Quốc	Liêm	30	20		15				65	Trung bình khá
30	1100500150	Châu Ngọc	Linh	30	15		15				60	Trung bình khá
31	1100500156	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	30	25		15				70	Khá
32	1100500157	Trần Thúy	Linh	30	25		15				70	Khá
33	1100500154	Nguyễn Đỗ Khánh	Linh	30	10		15				55	Trung bình
34	1100500164	Trương Hữu	Lộc	30	25		15				70	Khá
35	1100500173	Tạ Minh	Lý	30	15		15				60	Trung bình khá
36	1100500175	Hồ Dểnh	Mằn	30	15		15				60	Trung bình khá
37	1100500176	Nguyễn Thị	Miền	30	15		15				60	Trung bình khá
38	1100500184	Ngô Thị Thanh	Nga	30	15		15				60	Trung bình khá
39	1100500185	Ngô Thị Tuyết	Nga								0	Kém
40	1100500188	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	30	25		15				70	Khá
41	1100500189	Thái Thị Kim	Ngân	30	25		15				70	Khá
42	1100500194	Nguyễn Thị	Ngọc								0	Kém
43	1100500202	Vũ Thị Như	Ngọc								0	Kém
44	1100500203	Bùi Thị	Nguyên								0	Kém
45	1100500211	Lê Nguyễn Trọng	Nhân	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
46	1100500220	Nguyễn Thị	Nhung	30	25	5	15				75	Khá
47	1100500221	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung								0	Kém
48	1100500223	Võ Hoàng	Nhựt	30	25		15				70	Khá
49	1100500227	Ngô Thị Kim	Oanh								0	Kém
50	1100500237	Võ Tá	Phú	30	20		15				65	Trung bình khá
51	1100500238	Hương Phạm Các	Phụng								0	Kém
52	1100500242	Phan Đình	Phước								0	Kém
53	1100500252	Nguyễn Văn	Phương	30	15		15				60	Trung bình khá
54	1100500255	Trần Thị Thảo	Phương	30	15		15				60	Trung bình khá
55	1100500256	Nguyễn Thị Minh	Phượng	30	25		15				70	Khá
56	1100500260	Nguyễn Trịnh Bảo	Quốc	30	15		15				60	Trung bình khá
57	1100500265	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	30	25		15				70	Khá
58	1100500276	Huỳnh Thị Thu	Sương	30	15		15				60	Trung bình khá
59	1100500283	Lê Minh	Tân	30	15		15				60	Trung bình khá
60	1100500286	Võ Thị Hồng	Thắm								0	Kém
61	1100500299	Đỗ Thanh	Thảo								0	Kém
62	1100500305	Trần Anh	Thảo	30	15		15				60	Trung bình khá
63	1100500313	Trần Mậu	Thìn								0	Kém
64	1100500322	Huỳnh Thị Diễm	Thúy								0	Kém
65	1100500323	Trần Thanh	Thúy	30	15		15				60	Trung bình khá
66	1100500327	Trương Thị Thu	Thùy	30	25		15				70	Khá
67	1100500332	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	30	25		15				70	Khá
68	1100500336	Nguyễn Thạch Thị Kiều	Tiên								0	Kém
69	1100500339	Nguyễn Phan Mỹ	Tiến	30	15	5	15				65	Trung bình khá
70	1100500341	Nguyễn Quốc	Toàn								0	Kém

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
71	1100500347	Nguyễn Thị Bích	Trâm								0	Kém
72	1100500348	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm								0	Kém
73	1100500356	Nguyễn Thị Huyền	Trang	30	25		15				70	Khá
74	1100500358	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	30	15		15				60	Trung bình khá
75	1100500359	Thạch Thị Thu	Trang								0	Kém
76	1100500375	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	30	15		15				60	Trung bình khá
77	1100500381	Nguyễn Mai Cẩm	Tú								0	Kém
78	1100500382	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	30	25	20	15	10			100	Xuất sắc
79	1100500398	Trần Thị	Tuyết								0	Kém
80	1100500399	Trần Thị Lệ	Tuyết	30	15		15				60	Trung bình khá
81	1100500401	Nguyễn Thị Phương	Uyên								0	Kém
82	1100500407	Nguyễn Ngọc	Văn								0	Kém
83	1100500416	Phạm Thanh	Vinh								0	Kém
84	1100500403	Đặng Tiểu	Vũ								0	Kém
85	1100500418	Hoàng	Vũ	30	25		15	10			80	Tốt
86	1100500419	Hoàng	Vũ								0	Kém
87	1100500422	Nguyễn Khắc	Vũ	30	15		15				60	Trung bình khá
88	1100500424	Nguyễn Ánh Thảo	Vy								0	Kém
89	1100500430	Trần Ngọc Như	Ý	30	25		15				70	Khá
		LỚP NH11C3										
1	1100500004	Nguyễn Như Đắc	An								0	Kém
2	1100500011	Lê Ngọc	Anh	30	15		15				60	Trung bình khá
3	1100500015	Nguyễn Thị Minh	Anh								0	Kém
4	1100500022	Nguyễn Ngọc Hải	Âu	30	10		15				55	Trung bình
5	1100500023	Nguyễn Việt	Bách	30	10	5	15				60	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
6	1100500027	Danh Ni	Ca	30	15	5	15				65	Trung bình khá
7	1100500034	Lâm Định	Cường	30	15		15				60	Trung bình khá
8	1100500036	Lê Uy	Cường	30	25	5	15				75	Khá
9	1100500057	Huỳnh Thị Hồng	Đào	30	10		15				55	Trung bình
10	1100500040	Đặng Đình	Diệm	30	15	3	15				63	Trung bình khá
11	1100500060	Thái Lâm	Điền	30	15		15				60	Trung bình khá
12	1100500042	Lê Xuân	Diệu	30	25	5	15				75	Khá
13	1100500043	Hồ Thị Phương	Dung	30	10		15				55	Trung bình
14	1100500065	Đặng Nguyễn Lệ	Giang	30	15		15				60	Trung bình khá
15	1100500066	Lê Hồ Mạnh	Giang	30	10		15				55	Trung bình
16	1100500074	Trần Thị Ngọc	Giàu								0	Kém
17	1100500074	Trần Thị Ngọc	Giàu								0	Kém
18	1100500080	Hồng Trường	Hải								0	Kém
19	1100500083	Hồ Trần Ngọc	Hân	30	15	3	15				63	Trung bình khá
20	1100500084	Nguyễn Thị	Hằng	30	25	5	15				75	Khá
21	1100500085	Nguyễn Thị Kim	Hằng								0	Kém
22	1100500086	Nguyễn Thị Kim	Hằng	30	25	5	15				75	Khá
23	1100500090	Trần Thị Ngọc	Hiền	30	10		15				55	Trung bình
24	1100500094	Hoàng Minh	Hiếu	30	10	3	15				58	Trung bình
25	1100500096	Nguyễn Hoàng	Hiếu								0	Kém
26	1100500101	Nguyễn Đức	Hòa	30	15	5	15				65	Trung bình khá
27	1100500111	Huỳnh Quốc	Hùng	30	15		15				60	Trung bình khá
28	1100500119	Phạm Trọng	Hữu	30	25		15				70	Khá
29	1100500120	Bùi Ngọc	Huy	30	15	5	15	10			75	Khá
30	1100500125	Lương Châu Ngọc	Huyền	30	15		15				60	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
31	1100500126	Mai Thị Ngọc	Huyền	30	15		15				60	Trung bình khá
32	1100500134	Nguyễn Thị	Khuyên								0	Kém
33	1100500143	Phạm Thị Phương	Linh	30	25		15				70	Khá
34	1100500162	Trương Hoàng Yến	Loan	30	15		15				60	Trung bình khá
35	1100500168	Trương Quốc	Lương	30	20		15				65	Trung bình khá
36	1100500169	Nguyễn Thị	Luyện	30	25	5	15				75	Khá
37	1100500171	Nguyễn Khánh	Ly								0	Kém
38	1100500172	Bạch Trường	Lý								0	Kém
39	1100500174	Phan Thị Hoàng	Mai	30	15		15				60	Trung bình khá
40	1100500178	Phạm Văn	Minh	30	10		15				55	Trung bình
41	1100500180	Phạm Nguyễn Kiều	My	30	25	5	15				75	Khá
42	1100500186	Huỳnh Lê Tú	Ngân	30	25		15				70	Khá
43	1100500192	Châu Quý	Ngọc	30	15		15				60	Trung bình khá
44	1100500197	Trần Nhã	Ngọc	30	15		15				60	Trung bình khá
45	1100500198	Trần Như	Ngọc								0	Kém
46	1100500205	Trần Công Hương	Nguyên	30	15		15				60	Trung bình khá
47	1100500209	Vũ Hoàng	Nhã								0	Kém
48	1100500213	Nguyễn Thị	Nhẹ	30	15	5	15				65	Trung bình khá
49	1100500218	Đỗ Mỹ Quỳnh	Như	30	15		15				60	Trung bình khá
50	1100500222	Trần Quế	Nhung	30	15		15				60	Trung bình khá
51	1100500229	Nhan Tài	Phát	30	15		15				60	Trung bình khá
52	1100500231	Lê Hồng	Phong								0	Kém
53	1100500232	Nguyễn Thanh	Phong	30	15		15				60	Trung bình khá
54	1100500233	Tạ Đức	Phong	30	25	3	15				73	Khá
55	1100500240	Phan Huỳnh Như	Phụng	30	15		15				60	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
56	1100500241	Vũ Thị	Phụng	30	15		15				60	Trung bình khá
57	1100500243	Cam Điền An	Phương	30	25	5	15				75	Khá
58	1100500247	Ngô Thị Diễm	Phương	30	25	3	15				73	Khá
59	1100500261	Nguyễn Thành	Qúy	30	15	5	15				65	Trung bình khá
60	1100500270	Nguyễn Thanh	Sang	30	15		15				60	Trung bình khá
61	1100500269	Lê Bá	Sáng	30	15	5	15				65	Trung bình khá
62	1100500271	Phạm Thị	Sáng	30	15		15				60	Trung bình khá
63	1100500280	Nguyễn Văn	Tài	30	10	3	15				58	Trung bình
64	1100500294	Phạm Ngọc Đan	Thanh	30	10		15				55	Trung bình
65	1100500303	Nguyễn Hữu	Thảo	30	15	5	15				65	Trung bình khá
66	1100500304	Nguyễn Thị Phương	Thảo	30	15		15				60	Trung bình khá
67	1100500311	Nguyễn Ngọc Bảo	Thi	30	25		15				70	Khá
68	1100500312	Hà Nhật	Thiên	30	15	5	15				65	Trung bình khá
69	1100500316	Bùi Quang Viên	Thông	30	25	5	15				75	Khá
70	1100500328	Đỗ Thị	Thủy	30	15		15				60	Trung bình khá
71	1100500331	Nguyễn Thanh	Thủy	30	25	3	15				73	Khá
72	1100500333	Dương Phương	Thy	30	15		15				60	Trung bình khá
73	1100500334	Đỗ Ngọc	Tiên	30	25	5	15				75	Khá
74	1100500338	Trịnh Ngọc Phước	Tiên	30	25		15				70	Khá
75	1100500357	Nguyễn Thị Lệ	Trang	30	10		15				55	Trung bình
76	1100500362	Nguyễn Văn	Trạng								0	Kém
77	1100500369	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	30	10		15				55	Trung bình
78	1100500372	Nguyễn Ngọc	Trọng	30	20	5	15				70	Khá
79	1100500378	Đoàn Văn	Trường	30	15		15				60	Trung bình khá
80	1100500379	Đặng Thị Ngọc	Tú	30	10	5	15	10			70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
81	1100500383	Nguyễn Tuấn	Tú	30	25	5	15				75	Khá
82	1100500390	Trần Cẩm	Tuấn	30	15		15				60	Trung bình khá
83	1100500391	Mai Thị Thanh	Tuyền	30	15		15				60	Trung bình khá
84	1100500392	Nguyễn Thị Mỹ	Tuyền	30	15		15				60	Trung bình khá
85	1100500397	Huỳnh Lê Ánh	Tuyết	30	15	5	15				65	Trung bình khá
86	1100500404	Lý Nguyễn Thanh	Vân	30	15		15				60	Trung bình khá
87	1100500411	Giang Thế	Vinh	30	25	5	15				75	Khá
88	1100500421	Mai Nguyên Hà	Vũ	30	15	5	15				65	Trung bình khá
89	1100500423	Trần Hoàng	Vũ	30	15		15				60	Trung bình khá
90	1100500425	Nguyễn Thị Trường	Vy	30	25	3	15				73	Khá
91	1100500427	Trần Thị Đông	Vy								0	Kém
92	1100500431	Đặng Hoàng	Yến	30	25	3	15				73	Khá
93	1100500433	Nguyễn Thị Kim	Yến	30	25	3	15				73	Khá

LỚP TH11TC

1	1100100004	Lương Quốc	Cường								0	Kém
2	1100100007	Huỳnh Mai	Đại								0	Kém
3	1100100008	Đào Duy	Đạt	30	25		15				70	Khá
4	1100100005	Trần Qúy	Dậu	30	25		15				70	Khá
5	1100100009	Chu Việt	Đức	30	25		15				70	Khá
6	1100100006	Thái Tấn	Dũng	30	25		15				70	Khá
7	1100100010	Phan Thế Triều	Giang	30	25		15				70	Khá
8	1100100011	Lý Cam	Hào	30	25		15				70	Khá
9	1100100012	Bùi Công	Hậu	30	25		15				70	Khá
10	1100100013	Đỗ Thanh	Hiền	30	25		15				70	Khá
11	1100100014	Võ Văn	Hiền	30	15		15				60	Trung bình khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
12	1100100015	Nguyễn Thê	Hiển	30	15		15				60	Trung bình khá
13	1100100016	Cao Chí	Hiếu	30	25		15				70	Khá
14	1100100018	Nguyễn Công	Hiếu	30	25		15				70	Khá
15	1100100019	Trần Duy	Hòa	30	20		15				65	Trung bình khá
16	1100100020	Huỳnh Quốc	Khánh	30	25		15				70	Khá
17	1100100022	Trần Quốc	Kiên	30	25		15				70	Khá
18	1100100025	Nguyễn Hoàng	Luân	30	25		15				70	Khá
19	1100100026	Nguyễn Công	Lý								0	Kém
20	1100100027	Bùi Viết	Minh	30	25		15				70	Khá
21	1100100031	Nguyễn Khôi	Nguyên	30	25		15				70	Khá
22	1100100033	Lê Văn	Nhã	30	25		15				70	Khá
23	1100100034	Lê Thanh	Nhựt	30	25		15				70	Khá
24	1100100037	Đoàn Hồng	Phát								0	Kém
25	1100100039	Huỳnh Thanh	Phong	30	25		15				70	Khá
26	1100100040	Lý Mỹ	Phụng	30	25		15				70	Khá
27	1100100041	Lê Hoài	Phương	30	25		15				70	Khá
28	1100100042	Phạm Thanh	Sang	30	25		15				70	Khá
29	1100100043	Tiêu Đình	Sang	30	25		15				70	Khá
30	1100100044	Trần Ngọc	Sơn	30	25		15				70	Khá
31	1100100046	Huỳnh Minh	Thắng	30	25		15				70	Khá
32	1100100047	Đỗ Minh	Thành								0	Kém
33	1100100048	Nguyễn Đức	Thành	30	25		15				70	Khá
34	1100100050	Đặng Vũ	Tín								0	Kém
35	1100100051	Ngô Minh	Toàn	30	25		15				70	Khá
36	1100100052	Nguyễn Minh	Trí	30	25		15				70	Khá

STT	MSHS	HỌ	TÊN	Điểm đánh giá của lớp						Điểm thưởng	Tổng cộng	Xếp loại
				Điều 1	Điều 2	Điều 3	Điều 4	Điều 5	Điều 6			
37	1100100053	Nguyễn Minh	Triết	30	25		15				70	Khá
38	1100100054	Nguyễn Minh	Triệu								0	Kém
39	1100100056	Nguyễn Bảo	Trung	30	25		15				70	Khá
40	1100100057	Nguyễn Minh	Trung	30	25		15				70	Khá
41	1100100058	Thân Văn	Trung	30	25		15				70	Khá
42	1100100059	Huỳnh Thanh	Tú	30	25		15				70	Khá
43	1100100060	Võ Vương Hoàng	Tú	30	25		15				70	Khá
44	1100100062	Nguyễn Đức	Tuấn								0	Kém
45	1100100065	Ngô Quang	Vũ	30	25		15				70	Khá
46	1100100066	Trình Hoàng	Vũ	30	10		15				55	Trung bình